

Số: /BC-BVĐKYM

Yên Mô, ngày 25 tháng 02 năm 2026

BÁO CÁO
Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2025

Thực hiện Công văn số 793/SYT-TC ngày 24/02/2026 của Sở Y tế tỉnh Ninh Bình về việc Báo cáo kết quả công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2025. Bệnh viện Đa khoa Yên Mô (trước đây là Trung tâm Y tế Yên Mô) báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2025 tại đơn vị như sau:

I. Công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (THTK, CLP).

Trung tâm đã tổ chức học tập, quán triệt một số văn bản liên quan đến công tác THTK, CLP vào các buổi họp, các buổi sinh hoạt chào cờ tại đơn vị về Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013; Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 8 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 8 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ; Nghị quyết số 74/2022/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Quốc hội về tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Quyết định số 51/QĐ-UBND ngày 24/01/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2025 của tỉnh Ninh Bình; Quyết định số 441/QĐ-SYT ngày 07/02/2025 của Sở Y tế tỉnh Ninh Bình về việc ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Sở Y tế tỉnh Ninh Bình năm 2025.

2. Công tác xây dựng chương trình THTK, CLP và công khai về THTK, CLP

- Đơn vị đã xây dựng và Ban hành và triển khai Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2025 đến toàn thể viên chức, người lao động trong đơn vị.

- Trên cơ sở Luật THTK, CLP và các văn bản hướng dẫn thi hành của UBND tỉnh, Sở Y tế và UBND huyện Yên Mô (cũ), UBND xã Yên Mô. Ngay từ đầu năm, đơn vị đã tổ chức hội nghị cán bộ, công chức, viên chức (CC-VC) và người lao động để ban hành các Quy chế: Quy chế chi tiêu nội bộ và Quy chế phân phối thu nhập tăng thêm, Quy chế làm việc, quy chế thực hiện dân chủ, Quy

chế thi đua khen thưởng và Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công... góp phần đưa công tác phòng chống tham nhũng, THTK, CLP đạt kết quả cao.

- Trên cơ sở nội dung Quy chế chi tiêu nội bộ đơn vị đã triển khai đến các khoa/phòng/TYT xã trực thuộc đã góp ý, đơn vị đã kịp thời cập nhật những văn bản mới quy định về các chế độ để kịp thời ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ và Quy chế phân phối thu nhập tăng thêm; Quy chế quản lý tài sản công. Trong đó quy định cụ thể các nhiệm vụ chi, định mức chi; căn cứ nhiệm vụ cụ thể, đơn vị xây dựng chi tiết đến từng khoa, phòng, thực hiện khoán chi một số nội dung sau: văn phòng khác, xăng xe, công tác phí, điện thoại, ..., sử dụng kinh phí NSNN giao đúng mục đích, đáp ứng yêu cầu hoạt động của cơ quan; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi tiêu.

- Chỉ đạo các khoa, phòng và Trạm Y tế trực thuộc tăng cường các biện pháp, giải pháp thực hiện giảm chi phí trong khám chữa bệnh đặc biệt là chi phí khám chữa bệnh thuộc quỹ BHYT chi trả.

II. Tình hình, kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

1. Kết quả THTK, CLP cụ thể trong các lĩnh vực:

a) THTK, CLP trong việc thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ:

Đơn vị đã được Sở Y tế Ninh Bình phê duyệt định mức trang thiết bị y tế giai đoạn 2025-2030; xây dựng định mức sử dụng vật tư văn phòng, khoán đến từng khoa, phòng; xây dựng định mức sử dụng vật tư y tế tiêu hao, nhất là định mức đối với trang thiết bị, vật tư phục vụ phòng chống dịch,... Đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng.

Xây dựng định mức trang thiết bị văn phòng (máy tính, máy in) chi tiết theo từng khoa phòng, phục vụ cho công tác chuyên môn tại đơn vị.

Bộ phận chuyên môn đã rà soát, xây dựng quy chế mua sắm hàng hóa, hóa chất, vật tư, thiết bị y tế áp dụng trong đơn vị.

b) THTK, CLP trong lập dự toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN):

- Trong lập dự toán: Trong khi lập dự toán đầu năm đơn vị đã thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên theo đúng quy định.

- Tiết kiệm trong sử dụng và thanh quyết toán NSNN: Đơn vị luôn bám sát vào tiêu chuẩn định mức, chế độ do cơ quan có thẩm quyền ban hành ngay từ khâu nhu cầu sử dụng đến thanh quyết toán.

c) THTK, CLP trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước: Thực hiện nghiêm túc việc quản lý, sử dụng tài sản, phương tiện, trang thiết bị làm việc, nhất là việc sử dụng ô tô đúng mục đích, tiêu chuẩn, chế độ, không sử dụng tài

sản, phương tiện, trang thiết bị làm việc công vào việc riêng. Sử dụng các thiết bị tiết kiệm điện, tắt nguồn điện của các thiết bị điện khi hết giờ làm việc.

d) THTK, CLP trong quản lý, sử dụng trụ sở làm việc

- Đơn vị sử dụng trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với diện tích đất thuộc trụ sở theo đúng mục đích, đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tiết kiệm và hiệu quả.

- Không sử dụng đất, trụ sở làm việc vào mục đích cho thuê, liên doanh, liên kết không đúng quy định.

- Trong năm đã bàn giao nhà, đất phòng khám Đa khoa khu vực Bút cho UBND xã Yên Mạc quản lý và sử dụng; trình cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục điều chuyển nhà, đất của Phòng Dân số (Trung tâm Dân số -KHHGĐ huyện Yên Mô cũ) tại xã Yên Mô, tỉnh Ninh Bình cho Trung tâm Phát triển quỹ đất quản lý, xử lý và đã được UBND tỉnh ra Quyết định số 2245/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc chuyển giao tài sản công cho Trung tâm Phát triển quỹ đất quản lý, xử lý.

e) THTK, CLP trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước:

- Luôn nêu cao việc THTK, CLP trong quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong đơn vị, phát huy tối đa quỹ thời gian làm việc theo quy định, hạn chế làm thêm giờ.

Thực hiện nghiêm chủ trương tinh giản biên chế, thường xuyên rà soát điều chỉnh đề án vị trí việc làm trình SYT phê duyệt.

f) Việc thực hiện công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước; công quỹ, tài sản công:

Đơn vị đã thực hiện tốt việc công khai tài chính theo quy định tại Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính số 61/2017/TT-BTC, cụ thể là: đơn vị đã công khai những quy định về sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn tài chính được giao, áp dụng thực hiện thống nhất và công khai Quy chế chi tiêu nội bộ, định mức khoán; Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công, Quy chế làm việc, Quy chế thực hiện dân chủ, Quy chế khen thưởng. Công khai được thực hiện bằng nhiều hình thức như: thông qua Hội nghị cán bộ công chức hằng năm và công khai trên Website của đơn vị (<http://ttypyenmo.vn>).

Thực hiện tốt công tác công khai tài sản công theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 144/2017/TT-BTC. Đẩy mạnh thi hành Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật, góp phần quản lý chặt chẽ, sử dụng tiết kiệm, khai thác có hiệu quả tài sản công, phòng, chống thất thoát, lãng phí, tham nhũng.

2. Hành vi lãng phí và kết quả xử lý hành vi lãng phí: Đơn vị không phát hiện và xử lý hành vi vi phạm nào.

3. Phân tích, đánh giá:

a) Đánh giá kết quả đạt được:

- Để đạt được những kết quả nêu trên là nhờ những chỉ đạo quyết liệt của Ban Giám đốc, sự phối hợp của tập thể, cá nhân cán bộ, người lao động làm việc trong đơn vị.

- Hầu hết các tiêu chí tiết kiệm đều vượt chỉ tiêu đề ra tại Chương trình THPTK, CLP năm 2025.

b) Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân;

- Một bộ phận nhỏ cán bộ vẫn chưa nêu cao tinh thần tiết kiệm, chống lãng phí.

- Việc tổ chức đánh giá, giám sát việc thực hiện THPTK, CLP tại các Trạm y tế xã chủ yếu dựa vào báo cáo và giám sát một số nội dung nổi bật mà chưa thể làm thường xuyên và đồng đều do địa giới hành chính của huyện khá rộng có tới 17 Trạm y tế xã, thị trấn.

c) Những kinh nghiệm rút ra.

Việc THPTK, CLP phải xuất phát từ các cá nhân người sử dụng (kinh phí, máy móc, thiết bị...) vì vậy việc tổ chức thực hiện THPTK, CLP có hiệu quả hay không phải chú trọng công tác phổ biến quy định, định hình tư tưởng, giải pháp cho từng cá nhân, khoa phòng.

III. Phương hướng, nhiệm vụ và các giải pháp về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí cần tập trung triển khai thực hiện trong năm tiếp theo.

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao kiến thức đặc biệt là trách nhiệm của người đứng đầu trong THPTK, CLP.

Tăng cường thông tin về phổ biến pháp luật về THPTK, CLP cho viên chức và người lao động trong các buổi giao ban cơ quan. Xác định THPTK, CLP là nhiệm vụ thường xuyên của đơn vị, tuyên truyền sâu rộng đến từng viên chức và người lao động nhằm tăng cường hiểu biết pháp luật, nâng cao nhận thức về THPTK, CLP.

Thường xuyên quán triệt, phát động, và triển khai cho viên chức và người lao động thực hiện tốt THPTK, CLP đẩy mạnh “*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*”.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số để hiện đại hóa công tác quản lý, tiết kiệm nguồn lực. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, theo dõi, giám sát

hoạt động khám chữa bệnh, quản lý tài sản công. Thực hiện đúng kế hoạch về sử dụng bệnh án điện tử trong khám chữa bệnh.

2. Thực hiện công khai, giám sát THTK, CLP.

Thực hiện các quy định về công khai minh bạch để tạo điều kiện cho việc kiểm tra, thanh tra, giám sát THTK, CLP;

Thực hiện công khai việc sử dụng ngân sách nhà nước, nguồn tài chính của đơn vị theo đúng quy định của pháp luật;

Thực hiện công khai hành vi lãng phí, kết quả xử lý hành vi lãng phí.

3. Kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm các vi phạm quy định về THTK, CLP

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát về việc xây dựng và thực hiện chương trình THTK, CLP, kiểm tra việc thực hiện các quy định của Pháp luật về các lĩnh vực liên quan đến THTK, CLP trong đó:

Xây dựng kế hoạch và tập trung tổ chức kiểm tra, giám sát một số nội dung, lĩnh vực, cụ thể cần tập trung vào các lĩnh vực sau:

- Các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình quốc gia, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước.

- Mua sắm, trang bị, quản lý, sử dụng phương tiện đi lại, trang thiết bị làm việc, trang thiết bị y tế, thuốc phòng bệnh, chữa bệnh phục vụ hoạt động của đơn vị do ngân sách nhà nước cấp kinh phí.

Trên đây là tổng hợp kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2025, Bệnh viện Đa khoa Yên Mô trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế Ninh Bình (để B/c);
- Lãnh đạo Trung tâm;
- Các khoa, phòng;
- Lưu VT, TCKT.

GIÁM ĐỐC

Phan Sỹ Diễn

Phụ lục số 02

(Ban hành kèm theo Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

KẾT QUẢ CÔNG TÁC THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

Kỳ báo cáo: Năm 2025 (Từ ngày 01/01/2025 đến hết ngày 31/12/2025)

(Kèm theo Báo cáo số /BC-BVĐKYM ngày 25 tháng 02 năm 2026 của Bệnh viện Đa khoa Yên Mô)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của kỳ trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả kỳ báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
I	Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ							
1	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ mới được ban hành	văn bản						
2	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được sửa đổi, bổ sung	văn bản						
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	cuộc						
4	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được phát hiện và xử lý	vụ						
5	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền Việt Nam đồng)	triệu đồng						

II	Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)							
1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN							
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng						
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	triệu đồng						
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng						
1.4	Các nội dung khác (cắt giảm thêm dự toán chi thường xuyên)	triệu đồng						
2	Sử dụng và thanh quyết toán NSNN							
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:	triệu đồng						
	Tiết kiệm văn phòng phẩm	triệu đồng						
	Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc	triệu đồng						
	Tiết kiệm sử dụng điện	triệu đồng						
	Tiết kiệm xăng, dầu	triệu đồng						
	Tiết kiệm nước sạch	triệu đồng						
	Tiết kiệm công tác phí	triệu đồng						
	Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo	triệu đồng						

	<i>Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc</i>	<i>triệu đồng</i>						
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)	triệu đồng						
-	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại	triệu đồng						
-	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:							
	<i>Thẩm định, phê duyệt dự toán</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Thương thảo hợp đồng</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Các nội dung khác</i>	<i>triệu đồng</i>						
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng						
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng						
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng						
2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	triệu đồng						
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	triệu đồng	183,6	114,8	114,8	62,5%	100,0%	
	<i>Tiết kiệm văn phòng phẩm</i>	<i>triệu đồng</i>	36,8	20,5	20,5	55,8%	100,0%	

	<i>Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc</i>	<i>triệu đồng</i>	16,0	14,3	14,3	89,4%	100,0%	
	<i>Tiết kiệm sử dụng điện</i>	<i>triệu đồng</i>	17,0	13,2	13,2	77,6%	100,0%	
	<i>Tiết kiệm xăng, dầu</i>	<i>triệu đồng</i>	7,7	4,0	4,0	52,3%	100,0%	
	<i>Tiết kiệm nước sạch</i>	<i>triệu đồng</i>	13,4	7,3	7,3	54,7%	100,0%	
	<i>Tiết kiệm công tác phí</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm</i>	<i>triệu đồng</i>	13,0	14,3	14,3	110,0%	100,0%	
	<i>Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc</i>	<i>triệu đồng</i>	79,8	41,2	41,2	51,6%	100,0%	
	<i>Tiết kiệm khác</i>							
2.8	Tiết kiệm trong đấu thầu, mua sắm tài sản nhà nước							
	<i>Tổng số gói thầu định mua sắm</i>	<i>gói thầu</i>						
	<i>Số tiết kiệm sau khi thẩm định</i>	<i>Triệu đồng</i>						
3	Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ							
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị						
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	đơn vị						

[illegible]

1	Trong đầu tư xây dựng							
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án						
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng						
	- <i>Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán</i>	triệu đồng						
	- <i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	triệu đồng						
	- <i>Thực hiện đầu tư, thi công</i>	triệu đồng						
	- <i>Thẩm tra, phê duyệt quyết toán</i>	triệu đồng						
	- <i>Thẩm định phương án hỗ trợ bồi thường GPMB</i>	triệu đồng						
	- <i>Thẩm định giá</i>	triệu đồng						
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng						
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án						
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ							
	<i>Số lượng</i>	dự án						
	<i>Giá trị đầu tư phải thanh toán</i>	triệu đồng						
2	Trụ sở làm việc							
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ (Đất, nhà)	m2	10.000	10.000	10.000			

[illegible]

[illegible]

1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động	vụ						
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
3	Các nội dung khác							
VII	Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp							
1	Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh	triệu đồng						
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	triệu đồng						
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	triệu đồng						
	Tiết kiệm điện	Kw/h						
	Tiết kiệm xăng, dầu	Tấn (lít)						
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng						
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng						
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	triệu đồng						
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	triệu đồng						
2	Quản lý đầu tư xây dựng							
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án						
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án						

	Chi phí đầu tư tiết kiệm được	triệu đồng						
	<i>Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Thực hiện đầu tư, thi công</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Thẩm tra, phê duyệt quyết toán</i>	<i>triệu đồng</i>						
2.4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn							
	<i>Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật</i>	<i>dự án</i>						
	<i>Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật</i>	<i>triệu đồng</i>						
2.5	Các nội dung khác							
3	Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN							
	<i>Số tiền tiết kiệm được</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí</i>	<i>triệu đồng</i>						
4	Mua sắm phương tiện							
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con							

	<i>Số lượng xe đầu kỳ</i>	chiếc						
	<i>Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)</i>	chiếc						
	<i>Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ</i>	triệu đồng						
	<i>Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)</i>	chiếc						
	<i>Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng</i>	triệu đồng						
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc						
	<i>Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ</i>	chiếc						
	<i>Số tiền mua xe trang bị sai chế độ</i>	triệu đồng						
5	Nợ phải thu khó đòi							
	Số đầu kỳ	triệu đồng						
	Số cuối kỳ	triệu đồng						
6	Vốn chủ sở hữu							
	Số đầu năm	triệu đồng						
	Số cuối kỳ	triệu đồng						
VIII	Trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân							
1	Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hóa	Lượt hộ						

2	Các vụ việc gây lãng phí được phát hiện	Vụ						
IX	Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, về THTK, CLP lồng ghép trong các cuộc thanh tra hành chính							
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra đã triển khai thực hiện	cuộc						
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra đã hoàn thành	cuộc						
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra	cơ quan/tổ chức/đơn vị						
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm được phát hiện	cơ quan/tổ chức/đơn vị						
5	Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	triệu đồng						
6	Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	triệu đồng						